

Phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới: cơ hội và thách thức

PGS, TS. VŨ VĂN HÀ

Tạp chí Cộng sản

Email: vuha_dcsvn@yahoo.com.vn

PGS, TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH

Đại học Mở Hà Nội

Nhận ngày 03 tháng 1 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2025.

Tóm tắt: Sau gần 40 năm đổi mới (1986-2025), Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, kinh tế tăng trưởng vượt bậc tạo cơ sở giải quyết các vấn đề xã hội và nâng cao mức sống người dân. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, Việt Nam đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: Biến đổi khí hậu, cạnh tranh quốc tế gay gắt, chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp. Bước vào kỷ nguyên mới được khởi đầu với Đại hội XIV của Đảng mà ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và trở thành nước phát triển, có thu nhập cao năm 2045.

Từ khóa: phát triển kinh tế; kỷ nguyên mới; cơ hội và thách thức.

Abstract: Nearly 40 years after the Đổi Mới (1986 - 2025), Vietnam has achieved remarkable, historically significant economic progress. Rapid economic growth has laid the foundation for addressing social issues and improving people's living standards. However, alongside these achievements, Vietnam faces numerous challenges, including climate change, intense international competition, wealth disparity, environmental pollution, and the decline of certain social moral values. As Vietnam enters a new era marked by the 14th National Congress of the Communist Party, the country prioritizes achieving its strategic goals: becoming a developing country with modern industry and upper-middle income by 2030 and a developed country with high income by 2045.

Keywords: economic development; new era; opportunities and challenges.

1. Khái niệm và đặc điểm kỷ nguyên mới

Nói đến kỷ nguyên mới là nói đến một giai đoạn phát triển với những đặc điểm mới, thể hiện sự chuyển biến có tính cách mạng, khác về chất so với giai đoạn trước của một quốc gia; đó cũng là một giai đoạn có sự thay đổi lớn trong quan hệ tương tác lẫn nhau của con người cũng như giữa con người với thiên nhiên. Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: "Kỷ nguyên là một giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi những đặc điểm quan trọng hoặc sự kiện có ảnh hưởng lớn đến sự phát

triển của xã hội - văn hóa - chính trị - tự nhiên. Kỷ nguyên thường được sử dụng để phân chia thời gian trong lịch sử theo những biến cố lớn hoặc có sự thay đổi căn bản trong đời sống chính trị hay khoa học, công nghệ, môi trường⁽¹⁾. Nhấn đến tính bước ngoặt trong chuyển tiếp kỷ nguyên, có ý kiến cho rằng: "Kỷ nguyên thường được hiểu là một thời kỳ lịch sử trong tiến trình phát triển của quốc gia dân tộc mà ở đó các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược được hoàn thành, được đánh dấu bằng những sự kiện tạo ra bước ngoặt vận

động, mở ra trang sử mới⁽²⁾.

Kỷ nguyên mới sẽ có sự chuyển đổi đáng kể trong cách con người sống và làm việc do sự phát triển của công nghệ và những thay đổi xã hội, là giai đoạn mà những tiến bộ về kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ xanh đưa lại những cơ hội và đặt ra thách thức mới cho con người. Trong kỷ nguyên mới, các yếu tố như kỹ năng số, đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng trở nên cực kỳ quan trọng. Các công nghệ mới không chỉ thay đổi cách làm việc của con người, mà còn tác động mạnh mẽ đến mọi khía cạnh của đời sống xã hội.

Khái niệm kỷ nguyên mới gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và toàn cầu hóa. Kỷ nguyên này đánh dấu sự chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp truyền thống sang nền kinh tế tri thức và số hóa, nơi mà dữ liệu, thông tin và công nghệ trở thành những yếu tố quan trọng nhất.

Việt Nam đã trải qua các kỷ nguyên phát triển khác nhau, từ kỷ nguyên Đồ đá, Đồ đồng, Đồ sắt đến kỷ nguyên của sự phát triển công nghệ và xã hội hiện đại. Mỗi một kỷ nguyên phát triển, con người tích lũy được kinh nghiệm, tri thức và đến mức độ nhất định có sự chuyển biến về chất, bước sang một kỷ nguyên mới. Kỷ nguyên hiện nay với những đột phá về công nghệ hứa hẹn sẽ tiếp tục thay đổi sâu rộng đời sống và cách tương tác với thế giới.

Hiện nay, chúng ta đang bước vào kỷ nguyên mới bởi những thay đổi toàn diện và đột phá đang diễn ra, ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống, đến cách thức sản xuất và sự giao tiếp của con người. Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, kỷ nguyên mới là kỷ nguyên của đổi mới, sáng tạo. Đổi mới, sáng tạo là việc tạo ra và ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới sáng tạo không chỉ là yêu cầu, là nền tảng để phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt. Các doanh nghiệp và tổ chức phải thay đổi phương thức hoạt

động, sáng tạo ra những giá trị mới, nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Đổi mới sáng tạo là xu hướng tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Việt Nam cần nhanh chóng nắm bắt và thực hiện thành công quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để bứt phá vươn lên.

Thứ hai, khoa học công nghệ đóng vai trò trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng. Trong kỷ nguyên mới, nền kinh tế không chỉ dựa vào tài nguyên thiên nhiên, lao động cơ bản, mà dựa nhiều hơn vào tri thức, thông tin và công nghệ. Kinh tế tri thức đòi hỏi lực lượng lao động phải có trình độ cao, hiểu biết sâu rộng về công nghệ và có khả năng sáng tạo. Khoa học công nghệ, nhất là công nghệ mới (trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo và thực tế tăng cường, điện toán lượng tử và Internet vạn vật) sẽ làm thay đổi phương thức sản xuất. Làm việc từ xa và các mô hình làm việc linh hoạt đang trở thành xu hướng mới. Các doanh nghiệp và tổ chức cơ quan buộc phải áp dụng công nghệ mới vào các hoạt động quản lý và dịch vụ để nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng.

Thứ ba, giá trị con người với kỹ năng mới là yếu tố cốt lõi của kỷ nguyên mới. Công nghệ là yếu tố quan trọng, giá trị con người vẫn là yếu tố quyết định. Phát triển nguồn nhân lực với các kỹ năng mới, các kỹ năng mềm như sáng tạo, tư duy phân biện và khả năng làm việc nhóm. Trong kỷ nguyên mới, giá trị con người với kỹ năng mới nhân mạnh đến tầm quan trọng của việc phát triển các kỹ năng phù hợp để thích ứng và thành công trong môi trường mới. Mỗi cá nhân cần phải liên tục học hỏi và nâng cao kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng số, kỹ năng mềm và khả năng sáng tạo. Sự đổi mới và khả năng thích ứng sẽ trở thành yếu tố then chốt để mỗi người có thể đóng góp và tận dụng tối đa cơ hội mà kỷ nguyên mới mang lại.

Thứ tư, phát triển bền vững là vấn đề quan trọng trong kỷ nguyên mới. Thực tiễn phát triển ngày càng minh chứng, con người không chỉ khai

thác thiên nhiên để sống mà cần tái tạo thiên nhiên để nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong kỷ nguyên mới, con người được sống trong môi trường tự nhiên trong sạch và môi trường xã hội lành mạnh. Có nghĩa rằng, tăng trưởng kinh tế đi liền với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững không chỉ là yêu cầu mà còn là đặc trưng của kỷ nguyên mới.

2. Cơ hội, thuận lợi trong kỷ nguyên mới

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Trong gần 40 năm đổi mới, tuy có những tác động bất lợi từ các cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới, sự tác động của dịch bệnh, các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhưng với đường lối đổi mới đúng đắn, sự đồng lòng cả dân tộc, Việt Nam đã đạt được kết quả tăng trưởng ấn tượng. Quy mô GDP nền kinh tế đạt 470 tỷ USD, bình quân GDP đầu người năm 2024 đạt 4.700 USD⁽³⁾. Đây là cơ sở quan trọng cải thiện, nâng cao đời sống của người dân và cũng tạo nền tảng vững chắc, tạo đà bước vào kỷ nguyên mới, với sự phát triển nhanh và bền vững.

Thứ hai, có vị trí địa - chiến lược, địa kinh tế thuận lợi cho mở rộng giao thương và phát triển kinh tế. Ngày nay, sự phát triển đang dịch chuyển trung tâm về khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó, Đông Á tập trung những quốc gia có nền kinh tế phát triển, giàu tiềm năng. Với vị trí địa chiến lược và địa kinh tế quan trọng, Việt Nam là một trong những quốc gia tiềm năng phát triển, được các nước quan tâm trong thế cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc. Việt Nam có điều kiện mở rộng quan hệ, thu hút vốn đầu tư, nâng cao sức mạnh của nền kinh tế, tham gia vào các chuỗi cung ứng và sản xuất khu vực và toàn cầu. Đây là cơ hội và cũng là con đường để vươn mình phát triển trong kỷ nguyên mới.

Thứ ba, Việt Nam tham gia hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao và quan hệ thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 9 đối tác

trong đó có 4 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (Mỹ, Trung Quốc, Nga và Pháp); đã ký kết 17 FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)⁽⁴⁾... Việc hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực tạo ra cơ hội kinh doanh mới cho doanh nghiệp, thu hút FDI, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ sang các thị trường lớn.

Thứ tư, cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). CMCN 4.0 tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng với chi phí thấp hơn, giúp nền kinh tế hiệu quả, thông minh và sử dụng nguồn lực tiết kiệm hơn. Việt Nam là quốc gia đi sau trong cuộc Cách mạng công nghiệp trước 4.0 nhưng đi cùng với thế giới trong cuộc CMCN 4.0⁽⁵⁾. Việt Nam rất quan tâm đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia, chuyển đổi số. Việt Nam có tiềm năng về nhân lực công nghệ số. Nhờ vậy, Việt Nam có thể đi thẳng vào công nghiệp 4.0, mà mất ít chi phí chuyển đổi⁽⁶⁾. Nếu tận dụng được CMCN 4.0, Việt Nam có thể phát triển bút phá, nhảy vọt, rút ngắn, đi thẳng vào hiện đại, thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến khác.

Thứ năm, cơ hội từ cơ cấu dân số vàng và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu. Việt Nam đang ở trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng (từ năm 2007 và ước tính kéo dài khoảng 30 - 35 năm) là thời kỳ mà tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 đến 64 tuổi) đạt mức cao nhất so với dân số phụ thuộc (dưới 15 tuổi và trên 65 tuổi)⁽⁷⁾. Đây là thời kỳ quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, vì cung cấp lợi thế nhân khẩu học để thúc đẩy sản xuất và phát triển kinh tế, mang lại cơ hội lớn cho tăng trưởng kinh tế nếu có các chính sách và đầu tư đúng đắn vào giáo dục, y tế và tạo việc làm. Lực lượng lao động tăng đồng nghĩa với việc năng suất lao động và khối lượng sản phẩm được

tạo ra cũng tăng.

Cùng với sự phát triển kinh tế, tầng lớp trung lưu ở Việt Nam cũng không ngừng tăng lên, hiện nay chiếm khoảng 13% dân số và với tốc độ tăng như hiện nay đến 2026 đạt 26% dân số. Sự gia tăng tầng lớp trung lưu thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, nhất là những hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao, an toàn. Với xu hướng hiện nay, bước vào kỷ nguyên mới với sự bứt tốc kinh tế, thu nhập người dân sẽ tăng lên, dự báo đến 2030, dân số thuộc tầng lớp trung lưu đạt gần 50 triệu người⁽⁸⁾.

Thứ sáu, xu hướng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam đang tăng nhanh. Việt Nam là một trong những quốc gia có tiềm năng chuyển đổi xanh lớn nhất trong khu vực và sẽ là trung tâm năng lượng tái tạo ở Đông Nam Á. Năm 2022, Việt Nam đã ban hành Luật năng lượng tái tạo. Hiện có hơn 200 dự án nghiên cứu khoa học phát triển năng lượng tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, sinh khối và nhiệt động) được thực hiện bởi các trường đại học, viện nghiên cứu và công ty tư nhân với sự hỗ trợ của các nhà đầu tư nước ngoài⁽⁹⁾. Sự tham gia của các doanh nghiệp và khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo để đạt được các mục tiêu kinh tế xanh của Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước tiếp cận và áp dụng mô hình nông nghiệp xanh, phát triển công nghiệp xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính. Tốc độ phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam hiện đứng thứ 4 trên thế giới (2024) sau Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ. Sự gia tăng xu hướng phát triển xanh sẽ góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ bảy, lợi thế phát triển của quốc gia đi sau với truyền thống văn hoá, ý thức tự cường, khát vọng vươn lên của dân tộc. Là nước đang phát triển, có mức thu nhập trung bình, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam có điều kiện để học hỏi và tận dụng tất cả các lợi thế của thời đại đem lại và tránh được các thất bại của các quốc gia đi trước, đặc biệt, thất bại của các quốc

gia rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Việt Nam là quốc gia với truyền thống văn hóa qua hơn 4.000 năm lịch sử đã góp phần hình thành những đặc tính cơ bản của người Việt Nam: Yêu nước, cần cù, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường của mỗi cá nhân và toàn dân tộc để vượt qua mọi chông gai, thử thách trong công cuộc dựng nước, giữ nước. Việt Nam đã trải qua các cuộc chiến tranh tàn phá đất nước, nên hoà bình và phát triển là khát vọng của cả dân tộc. Tinh thần này sẽ là nguồn lực nội sinh, là động lực để đột phá phát triển trong kỷ nguyên mới.

3. Thách thức, khó khăn của kỷ nguyên mới

Thứ nhất, thách thức rất lớn là phải vượt qua bẫy thu nhập trung bình, tránh nguy cơ tụt hậu. Thực tiễn phát triển của không ít quốc gia khi đạt được mức thu nhập trung bình cho thấy, họ đã không thể vượt lên trở thành nước có thu nhập cao. Với mức thu nhập bình quân trên đầu người hiện nay là 4.700 USD, Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Để vượt mức thu nhập trung bình, trở thành nước có thu nhập cao, đòi hỏi Việt Nam phải phấn đấu đạt mức tăng trưởng trung bình 2 con số trong những năm tới. Đây là một thách thức vô cùng lớn, đặc biệt khi tính đến những hạn chế, bất cập nội tại nền kinh tế còn không ít nút thắt như: chất lượng tăng trưởng và năng suất lao động thấp, các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc, nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, khoảng 95 -96% doanh nghiệp trong nước có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ thấp⁽¹⁰⁾ □ Số liệu thống kê cho thấy, những năm qua, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam chậm lại⁽¹¹⁾. Bên cạnh đó, tình hình thế giới biến động phức tạp, khó dự báo cũng tác động lớn đến sự phát triển của Việt Nam.

Thứ hai, thách thức trong việc bảo đảm độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế đi liền với cơ hội cho phát triển là những thách thức đặt ra. Các tác động tiêu cực từ bên ngoài như khủng hoảng kinh tế; giá dầu, lạm phát cao, dịch chuyển dòng vốn đầu tư sẽ gây ra

bất ổn cho nền kinh tế Việt Nam. Khi các doanh nghiệp bên ngoài xâm nhập vào nền kinh tế, sẽ dẫn đến nguy cơ thao túng thị trường, cạnh tranh thu hút nguồn lực, kèm theo tệ nạn và lối sống thực dụng, mặt trái của kinh tế thị trường tác động đến thuần phong mỹ tục truyền thống. Đặc biệt, khi độ mở của nền kinh tế ngày càng lớn, tính gắn kết và phụ thuộc, chịu tác động của nền kinh tế thế giới cũng tăng theo, nếu không tạo lập cơ chế xử lý thích ứng linh hoạt cũng như gia tăng nội lực, nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế, sẽ khó bảo đảm được sự độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

Thứ ba, thách thức trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc cách mạng này đưa lại cơ hội cho bứt phá phát triển rút ngắn, song cũng đặt ra hàng loạt yêu cầu về xây dựng, hoàn thiện thể chế đồng bộ, về nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, hệ thống thể chế cho vận dụng các thành tựu công nghệ mới, các mô hình kinh doanh mới, việc bảo vệ sở hữu trí tuệ, và điều chỉnh các giao dịch kinh doanh, giao dịch xã hội trên môi trường mới chưa hình thành đầy đủ, còn nhiều bất cập và hạn chế; việc đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển⁽¹²⁾.

Cuộc CMCN 4.0 đặt ra thách thức do việc phải đẩy nhanh tái cơ cấu trên diện rộng, làm giảm lợi thế cạnh tranh lao động giá rẻ, tác động đến cơ cấu thị trường lao động; sự xuất hiện của các công ty công nghệ mới gây sức ép lên hàng loạt công ty vừa và nhỏ kinh doanh theo mô hình truyền thống làm cho nhóm lao động giản đơn gặp nhiều khó khăn, thậm chí mất việc, đẩy đến gia tăng bất bình đẳng.

CMCN 4.0 với đặc trưng xuất hiện hàng loạt công nghệ mới mở ra cơ hội cho phát triển, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, nhất là vấn đề lợi dụng các công nghệ mới để trục lợi, làm mất an toàn, an ninh kinh tế, an ninh con người và an ninh quốc gia như vấn đề chiến tranh công nghệ cao, vấn đề bảo đảm an ninh mạng □ Thực

tế cho thấy, để theo kịp tốc độ và những yêu cầu đặt ra từ cuộc CMCN 4.0 là thách thức không đơn giản với Việt Nam.

Thứ tư, thách thức từ ô nhiễm môi trường. Với việc đẩy mạnh công nghiệp hoá thiếu kiểm soát chặt chẽ làm xuất hiện nhiều khu vực ở Việt Nam bị ô nhiễm, suy thoái môi trường như ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước và không khí. Vấn đề ô nhiễm bụi, đặc biệt là bụi mịn (PM2.5) tại một số đô thị lớn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Tình trạng ô nhiễm môi trường đặt ra hàng loạt thách thức như: suy thoái chất lượng rừng, giảm chức năng phòng hộ; nguy cơ an toàn thực phẩm; cạn kiệt tài nguyên; gia tăng tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; suy thoái đa dạng sinh học và mất cân bằng sinh thái; suy giảm chất lượng đất và đe dọa đến nền nông nghiệp. Ô nhiễm môi trường tác động tiêu cực đến sức khỏe của người dân; làm gia tăng áp lực lên hệ thống y tế, hệ thống an sinh xã hội.

Thứ năm, thách thức do tác động của biến đổi khí hậu. Việt Nam, với đường bờ biển dài hơn 3.000 km, nằm trong số những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu như: nước biển dâng, bão lũ và hạn hán. Theo báo cáo Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2020 (Global Climate Risk Index 2020) của Tổ chức Tham vấn môi trường đã chỉ ra, Việt Nam đứng thứ sáu trong số 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi thiên tai xét trong giai đoạn 1999 - 2018. Biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực, trong đó nông nghiệp, thủy sản, du lịch là những lĩnh vực chịu tác động nhiều nhất. Đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề nhất là người dân ở khu vực miền núi và ven biển, người nghèo, phụ nữ và trẻ em. Biến đổi khí hậu làm giảm tổng sản lượng nền kinh tế; làm giảm sản lượng nông nghiệp và thủy sản; ảnh hưởng đến sản lượng công nghiệp và dịch vụ; làm giảm năng suất lao động, đe dọa an ninh năng lượng; ảnh hưởng đến an sinh xã hội; làm suy

giảm tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng tới hệ thống kết cấu hạ tầng.

Thứ sáu, thách thức từ già hóa dân số và đô thị hoá nhanh. Mặc dù Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng, song cũng là quốc gia có mức già hoá dân số nhanh trên thế giới. Năm 2022, khoảng 8,5% dân số Việt Nam đã đạt 65 tuổi trở lên. Dự kiến, vào năm 2036, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 20% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên trên 14%; đến năm 2049, Việt Nam trở thành xã hội siêu già với tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 25% hoặc tỷ lệ người từ 65 trở lên chiếm trên 20% tổng dân số⁽¹³⁾. Già hoá dân số đặt ra nhiều thách thức cho nền kinh tế và hệ thống chăm sóc sức khỏe. Già hóa dân số ở Việt Nam có các đặc điểm diễn ra nhanh và nhanh hơn nhiều so với nhịp độ tăng dân số. Điều này đặt ra phải có chính sách dân số và phát triển thích ứng để những năm tới duy trì một cơ cấu dân số và cơ cấu lao động phù hợp.

Chất lượng dân số ở Việt Nam mặc dù có sự cải thiện, nhưng thấp, chưa đáng kể so với các nước trong khu vực và các nước trên thế giới. Chất lượng dân số Việt Nam thấp gây ra những thách thức đối với phát triển kinh tế - xã hội, nguy cơ tổn thất kép về lao động, hạn chế tăng trưởng, đồng thời tạo gánh nặng chi phí chăm sóc y tế. Đáng chú ý, chất lượng dân số ở các vùng, địa phương của Việt Nam có sự khác biệt lớn dẫn đến bất bình đẳng, phân hoá, phân cực, tăng trưởng kinh tế sẽ không bền vững; nguy cơ rơi và tình trạng "già trước khi giàu". Trong khi đó, tốc độ đô thị hóa nhanh dẫn đến tình trạng hạ tầng đô thị không đáp ứng được nhu cầu, mất cân đối, quá tải và tạo sức ép lên hệ thống hạ tầng thiết yếu (y tế, giáo dục, môi trường...) tại các đô thị, nhất là các đô thị lớn ngày càng tăng.

4. Định hướng giải pháp khắc phục

Để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, tạo phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới, cần tập trung vào một số định hướng giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng thể chế, chính sách phù hợp là một trong các tiền đề - điều kiện cho phát triển hiệu quả, bền vững trong kỷ nguyên mới. Thể chế đồng bộ, phù hợp, tiên bộ sẽ là động lực thúc đẩy đổi mới và phát triển. Bản thân thể chế phải được liên tục đổi mới, hoàn thiện và phát triển cùng với sự phát triển và trình độ xã hội hóa ngày càng cao hơn của xã hội. Gắn kết đồng bộ hoàn thiện thể chế chính trị, thể chế kinh tế, thể chế quản lý phát triển xã hội, thể chế phát triển văn hoá, thể chế bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục đẩy nhanh phát triển kinh tế, cần thể chế hoá kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng. Hoàn thiện thể chế huy động và phân bổ các nguồn lực; hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường; chú trọng quản lý phát triển xã hội; phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả bộ máy Nhà nước ở Trung ương, địa phương, kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số. Nhanh chóng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn...

Hai là, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là quốc sách hàng đầu. Yếu tố quan trọng nhất để Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới chính là chất lượng nguồn nhân lực. Do vậy, cần tập trung phát triển nguồn nhân lực, trong đó, cần chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường thuận lợi cho nhân lực khoa học - công nghệ hoạt động sáng tạo. Đồng thời, phát triển

mạnh đội ngũ doanh nhân Việt Nam thông qua các cơ chế chính sách khuyến khích các khu vực, thành phần kinh tế, bảo vệ thị trường nội địa, hỗ trợ thâm nhập thị trường quốc tế. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, giải quyết dứt điểm những điểm nghẽn hiện nay trong giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, gắn với cuộc CMCN 4.0. Có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực xã hội, nhất là các doanh nghiệp vào hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích, tạo thuận lợi, hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp ứng dụng các thành tựu mới của cuộc CMCN 4.0.

Ba là, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng. Việt Nam đang xây dựng và mở rộng hệ thống đường cao tốc để nối liền các vùng miền và thúc đẩy giao thông hàng hóa và du lịch. Nâng cấp các sân bay lớn (Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng) để phục vụ nhiều khách hàng hơn và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Mở rộng và hiện đại hoá các bến cảng để tăng khả năng tiếp nhận và xuất khẩu hàng hóa. Xây dựng và nâng cấp hạ tầng đô thị như đường xá, cầu đường, hệ thống cấp nước và thoát nước, hệ thống điện và năng lượng. Đẩy mạnh việc huy động và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

Tóm lại, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng tự hào trong quá trình đổi mới, nhưng để đạt được mục tiêu trở thành một quốc gia công nghiệp phát triển vào năm 2045, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực không ngừng để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức. Phát triển kinh tế bền vững, đổi mới trong quản lý và điều hành và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là những yếu tố then chốt giúp Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong giai đoạn tới. Bước vào kỷ nguyên mới, Việt Nam sẽ phải đối diện với cả những thuận lợi, cơ hội và

khó khăn, thách thức, song, với sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng và sự điều hành, quản lý hiệu năng, hiệu quả của Nhà nước, khát vọng phát triển và đồng lòng của người dân với các bước đi thích hợp để tiến vào kỷ nguyên mới, Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ, vững chắc về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm đất nước ngày càng giàu mạnh; độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững và củng cố; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, vị thế đất nước ngày càng được nâng tầm./.

(1) GS. TS. Tô Lâm, *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/>, ngày 1/11/2024.

(2) Nguyễn Việt Thảo, *Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam trong thời đại mới*, <https://dangcongsan.vn/>, ngày 4/10/2024.

(3) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024, Chinhphu.vn, ngày 8/1/2025.

(4) Nguyễn Hồng Sơn, *Phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong thu hút nguồn lực bên ngoài nhằm thực hiện các đột phá chiến lược*, Tapchiconsan.org.vn, ngày 21/2/2024.

(5), (6), (12) Nguyễn Mạnh Hùng và nhóm tác giả (2024), *Những thời cơ, thách thức với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, <https://special.nhandan.vn/>, 11/2024.

(7) *Phát huy lợi thế của thời kỳ cơ cấu dân số vàng*, <https://nhandan.vn/>, ngày 23/4/2023.

(8) *Tầng lớp trung lưu đạt 50 triệu người, một lĩnh vực dịch vụ nhất định sẽ nở rộ*, <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/>, ngày 28/7/2023.

(9) Trương Thị Quỳnh Vân, *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp*, <https://vioit.org.vn/>, ngày 10/6/2024.

(10) Lê Mạnh Hùng, *Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, <https://tapchicongthuong.vn/>, ngày 14/7/2022.

(11) *Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 1991-2000 khoảng 7,6%, giai đoạn 2000-2010: 6,6%, giai đoạn 2011-2020: 6%, năm 2021: 2,58%, năm 2022: 8,02%, năm 2023: 5,05%*.

(13) Nguyễn Thị Thu Thanh, *Già hoá dân số ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và khuyến nghị chính sách*, <https://tapchiconsan.org.vn/>, ngày 10/4/2024.